

Soạn văn bài Thực hành về thành ngữ, điển cố. Nội dung tài liệu sẽ giúp các bạn nắm chắc nội dung bài học một cách đơn giản nhất. Mời các bạn học sinh và thầy cô cùng tham khảo.

Mẫu 1: Soạn bài Thực hành về thành ngữ, điển cố

Câu 1 trang 66 SGK Ngữ văn 11 tập 1

- + Thành ngữ: một duyên hai nợ, năm nắng mười mưa.
- + Về cấu tạo: thành ngữ ngắn gọn, gồm hai vế đối xứng nhau về cả số từ lẫn từ loại (một duyên – hai nợ; năm nắng – mười mưa).
- + Về ý nghĩa: biểu đạt cô đọng, hàm súc sự khó nhọc, vất vả của bà Tú.

Câu 2 SGK Ngữ văn 11 tập 1 trang 66

- + Đầu trâu mặt ngựa:
 - Tính hình tượng: trâu, ngựa ý chỉ súc vật, hàm ý chỉ những loại người thô lỗ, cục súc, hung hăng, thiếu tính người.
 - Tính biểu cảm: thể hiện sự khinh ghét, căm tức.
 - Tính hàm súc: chỉ bốn chữ nhưng lột tả được bộ mặt chung của xã hội rối ren, nhốn nháo.
- + Cá chậu chim lồng:
 - Tính hình tượng: chỉ hoàn cảnh bó hẹp, kìm hãm con người, chỉ những con người mất tự do, bị rào ngăn trước sau.
 - Tính biểu cảm: khẳng định sự phi thường, khác biệt của Từ Hải
 - Tính hàm súc: biểu đạt ý muốn nói một cách ngắn gọn, súc tích.
- + Đội trời đạp đất:

- Tính hình tượng: thể hiện hành động ngang tàng, vùng vẫy, làm những điều phi thường, lớn lao.
- Tính biểu cảm: ngợi ca, khẳng định vẻ đẹp của người anh hùng Từ Hải.
- Tính hàm súc: thể hiện được sự phi phàm của con người Từ Hải chỉ bằng một thành ngữ.

Câu 3 SGK Ngữ văn 11 trang 66 tập 1

Điển cố là những từ, cụm từ gợi nhắc đến những sự việc, sự kiện đã xảy ra trong quá khứ. Điển cố ngắn gọn, hàm súc, thâm thúy, thường được dẫn lại để nói những việc tương tự trong thời điểm nói ra.

Câu 4 SGK trang 67 Ngữ văn 11 tập 1

+ Ba thu: điển cố trong Kinh Thi, chỉ một ngày không gặp mà dài như ba mùa thu đã qua -> Chỉ nỗi tương tư, niềm thương nhớ da diết của Kim Trọng đối với Thúy Kiều.

+ Chín chữ: điển cố trong Kinh Thi, chín chữ đó là: sinh, cúc, phủ, súc, trường, dục, cố, phục, phúc -> Khẳng định công ơn dưỡng dục của cha mẹ -> Lòng biết ơn của Kiều đối với cha mẹ mình.

+ liễu Chương Đài: Chương Đài là tên một con đường ở thành Trường An (Trung Quốc), liễu chỉ người con gái họ Liễu, ý nói hỏi thăm người tình nhân cũ -> nỗi lòng chua xót, mong nhớ khi nhớ về Kim Trọng của Thúy Kiều.

+ mắt xanh: liên quan đến giai thoại về Nguyễn Nguyên Tịch, người đời Tấn, chỉ sự bằng lòng vừa ý -> Từ Hải ngỏ ý hỏi Thúy Kiều liệu đã có ai vừa ý chưa.

Câu 5 trang 67 Ngữ văn 11 tập 1 SGK

a. Thay thế: Đây các cậu, đừng có mà ý mình có nhiều kinh nghiệm hơn mà bắt nạt người con non nớt. Cậu ấy vừa mới đến, còn chưa quen thuộc, thông thạo mọi thứ, mình phải tìm cách giúp đỡ chứ.

b. Thay thế: Họ không đi tham quan, không đi thực tế kiểu cho vui, cho có mà đi chiến đấu thực sự, đi làm nhiệm vụ của những chiến sĩ bình thường.

Đánh giá: Cách thay thế vừa dài dòng, vừa khiến câu nói mất đi tính hình ảnh, hàm súc.

Câu 6 trang 67 Ngữ văn 11 SGK tập 1

- + Khi sản phụ bước vào phòng sinh, người nhà đều mong mẹ tròn con vuông.
- + Cô ta đi guốc trong bụng tôi, hiểu hết những gì tôi muốn làm.
- + Hấn ta đã phản bội thầy của mình, hấn cho rằng trứng khôn hơn vịt được sao.
- + Những lời nói của ông ta với tôi chỉ như nước đổ đầu vịt.
- + Phải nấu sủ sôi kinh thì anh ta mới thi đỗ kì này.
- + Con người nên biết dĩ hòa vi quý để khiến mọi chuyện êm xuôi.
- + Hấn ta là kẻ lòng lang dạ thú, bỏ rơi cả cha mẹ mình.
- + Anh ta con nhà lính, tính nhà quan, vẫn bắt chấp đòi mua chiếc xe xa xỉ đó dù bố mẹ không có đủ tiền.
- + Phú quý sinh lễ nghĩa nên tết nhất bây giờ, con người đem tặng nhau những món quà đắt tiền, xa xỉ mà quên mất những món quà truyền thống của quê hương.
- + Vì nhận nhầm người mà ông ấy bị nói ra nói vào là thấy người sang bắt quàng làm họ.

Câu 7 trang 67 SGK Ngữ văn 11 tập 1

- + Mỗi người đều có gót chân A-sin.
- + Hấn ta là gã Sở Khanh, lừa gạt biết bao nhiêu cô gái cả tin.
- + Vì ăn chơi mà ông ta nợ như chúa Chổm.

- + Trai tráng nước nhà mang sức trai Phù Đổng, ra sức xây dựng đất nước.
- + Con người sống phải có chính kiến, đừng để cày giữa đường.

Ý nghĩa

Học sinh được củng cố và nâng cao những kiến thức về thành ngữ, điển cố. Từ đó, học sinh biết lĩnh hội và sử dụng đúng thành ngữ, điển cố và phân tích được giá trị biểu hiện của những thành ngữ, điển cố thông dụng.

Mẫu 2: Soạn bài Thực hành về thành ngữ, điển cố

Kiến thức

Thành ngữ

- a) Khái niệm: Thành ngữ là một bộ phận câu có sẵn mà nhiều người quen dùng nhưng tự riêng nó không diễn đạt một ý trọn vẹn. (Vũ Ngọc Phan)
- b) Phân biệt giữa tục ngữ và thành ngữ

Tục Ngữ

- Diễn đạt một ý trọn vẹn.
- Đúc kết kinh nghiệm.
- Tương đương với một câu.

Ví dụ:

1. Nuôi lợn ăn cơm nằm, nuôi tằm ăn cơm đứng.
2. Ao sâu tốt cá.
3. xanh vỏ, đỏ lòng.
4. Ở hiền gặp lành.
5. Vẽ đường hươu chạy.
6. Tốt danh hơn lành áo.

Thành ngữ

- Không diễn đạt một ý trọn vẹn.
- Có sẵn, quen dùng
- Tương đương với một từ.

Ví dụ:

1. Ác giả ác báo.
2. Chó cắn áo rách.
3. ruột để ngoài da.
4. Kết tóc xe tơ.
5. treo đầu dê bán thịt chó.
6. Một nắng hai sương.

Điền cổ:

Bao gồm việc dụng điền và lấy chữ.

- Dụng Điền
 - Dụng: Dùng
 - Điền: Là các tình tiết đã được chép trong sử sách, kinh truyện của các tác phẩm nổi tiếng thời trước. Ví dụ: như bài thơ Khóc Dương Khuê của Nguyễn Khuyến tác giả đã sử dụng những điển cố như Giường kia, đàn kia ...

"Khen rằng: "bút pháp đã tinh,
So vào với thiếp Lan Đình nào thua..."
(Truyện Kiều)

=> Thiếp Lan Đình là điển cố đề cập đến nhà thư pháp lỗi lạc Vương Hi Chi (307 – 365), ở Trung Quốc.

- Lấy chữ: Là mượn lại một vài chữ trong các áng thơ văn cổ để đưa vào câu văn của mình.

"Khoé thu ba gợn sóng khuynh thành."
(Cung oán ngâm khúc)
"Một hai nghiêng nước nghiêng thành."
(Truyện Kiều)

=> Hai trường hợp trên đều lấy 2 chữ "khuynh thành" của Lí Diên Niêm: "Nhất cố khuynh nhân thành, tái cố khuynh nhân quốc" (Ngoảnh lại 1 lần làm nghiêng thành, ngoảnh lại lần nữa làm nghiêng nước).

Trả lời các câu hỏi trong Sách giáo khoa**Câu 1:**

Đoạn thơ gồm các thành ngữ sau:

- Một duyên hai nợ => Một mình phải đảm đang công việc để nuôi cả chồng và con.
- Năm nắng mười mưa: Thể hiện sự vất vả, cực nhọc, chịu đựng dai dẳng, nắng mưa.

=> Nếu so sánh hai thành ngữ trên với các cụm từ thông thường thì có thể thấy, các thành ngữ ngắn gọn, cấu tạo ổn định, đồng thời qua hình ảnh cụ thể, sinh động thể hiện nội dung khái quát và có tính biểu cảm cao.

Câu 2:

- Đầu trâu mặt ngựa: Biểu hiện tính chất hung bạo, thú vật, vô nhân tính của bọn quan công đến cướp giết ở gia đình Kiều khi gia đình này bị vu oan.
- Đội trời đạp đất: Biểu hiện được lối sống và hành động tự do, ngang tàng không chịu sự bó buộc, không chịu khuất phục trước uy quyền. Nó dùng để nói về khí phách ngang tàng, hảo hán của Từ Hải.

=> Các thành ngữ trên đều sử dụng những hình ảnh mang tính tố cáo, thể hiện sự đánh giá đối với điều được nó nói đến.

Câu 3:

- Giường kia: Gợi lại chuyện Trần Phồn thời Hậu Hán dành riêng cho bạn là Từ Trĩ một cái giường khi bạn đến chơi, khi bạn về thì treo giường lên.
- Đàn kia: Gợi lại chuyện Chung Tử Kỳ gảy đàn, Bá Nha nghe đàn mà hiểu được tâm sự của bạn. Sau khi Bá Nha mất, Chung Tử Kỳ treo đàn không chơi nữa vì cho rằng không ai hiểu được tiếng đàn của mình.

=> Cả hai điển cố đều được dùng để nói về tình bạn thắm thiết keo sơn. Chữ dùng ngắn gọn mà biểu thị được ý nghĩa sâu xa, hàm xúc. Điển cố là những sự việc trước đây, hay câu chữ trong sách đời trước thường được dẫn ra và sử dụng lồng ghép vào bài thơ, bài văn, lời nói để diễn tả lại những điều tương tự.

Câu 4:

- Ba thu: Kinh Thi có câu: 1 ngày không thấy mặt nhau lâu như ba mùa thu => Điển cố này muốn nói Kim Trọng đã tương tư Thúy Kiều thì một ngày không thấy mặt mà có cảm giác lâu như ba năm.
- Chín chữ: Dẫn điển cố này, Thúy Kiều nghĩ đến công ơn cha mẹ đối với bản thân.
- Liễu chương đài: Thúy Kiều mừng tượng đến cảnh Kim Trọng trở lại nơi nàng đã thuộc về nhưng người khác mất rồi.
- Mắt xanh: Nguyễn Tịch thời Tấn thích ai thì tiếp bằng mắt xanh, khinh ai thì nhìn bằng mắt trắng => Từ Hải muốn nói Thúy Kiều rằng, chàng biết Thúy Kiều ở lầu xanh, ngày ngày phải tiếp khách làng chơi nhưng chưa hề yêu ai. Câu nói thể hiện lòng quý trọng, đề cao phẩm giá của Kiều.

Câu 5:

- Ma cũ bắt nạt ma mới: Người cũ cậy quen biết nhiều người mà lên mặt, dọa dẫm, bắt nạt người mới đến. Có thể thay bằng: bắt nạt người mới. Chân ướt chân ráo: Vừa mới đến, còn lạ lẫm.
- Cưỡi ngựa xem hoa: Làm việc qua loa, không tìm hiểu thấu đáo giống như người cưỡi ngựa đi nhanh, không thể thưởng thức được vẻ đẹp của hoa. Có thể thay bằng: làm việc qua loa.

=> Nhìn chung, nếu thay các thành ngữ bằng các từ ngữ thông thường tương đương thì có thể biểu hiện được phần nào ý nghĩa nhưng lại mất đi sắc thái biểu cảm, mất đi tính hình tượng mà sự diễn đạt thiếu cô đọng.

Câu 6:

- Mẹ tròn con vuông: Vợ tôi sinh khó, may nhờ sự giúp đỡ tận tình của các bác sĩ mà mẹ tròn con vuông.
- Trứng khôn hơn vịt: Này con, mới nhỏ tuổi đừng cãi bướng cha mẹ như thế, trứng mà đòi khôn hơn vịt à.
- Nấu sủ sôi kinh: Nhờ chăm chỉ học tập, nấu sủ sôi kinh mấy năm trời, bạn Linh đã đỗ đại học với số điểm rất cao.
- Lòng lang dạ thú: Thằng cướp tàn nhẫn quá, nó đúng là đồ lòng lang dạ thú.
- Đi guốc trong bụng: Cậu hiểu tớ thật, cứ như là đi guốc trong bụng tớ ấy.
- Nước đổ đầu vịt: Thằng này chậm hiểu quá, nói từ nãy đến giờ mà như nước đổ đầu vịt vậy.
- Dĩ hòa vi quý: Anh em trong nhà phải nhường nhịn nhau, dĩ hòa vi quý các cháu ạ!

Câu 7:

- Gót chân Asin: Tao đã nắm được gót chân Asin của hắn rồi mà ọ.
- Gã Sở Khanh: Đồ tồi! Anh là gã Sở Khanh thứ hai!
- Nợ như chúa Chổm: Cậu làm gì mà suốt ngày có người đến đòi nợ thế? Cậu nợ như chúa Chổm ấy, bao giờ mới trả được hết.
- Đẽo cày giữa đường: Cậu làm việc gì thì cũng phải có chính kiến của mình chứ, cứ theo ý kiến người khác nhiều thế thì khác gì đẽo cày giữa đường.

Mẫu 3: Soạn bài Thực hành về thành ngữ, điển cố**Câu 1 trang 66 sách giáo khoa Ngữ Văn 11 Tập 1**

Trong đoạn thơ trích từ bài Thương vợ của Trần Tế Xương, tác giả đã sử dụng các thành ngữ:

- Một duyên hai nợ: hàm ý nói lên sự vất vả của bà Tú khi phải một mình đảm đương tất cả công việc gia đình để nuôi cả chồng và con.

- Năm nắng mười mưa: chỉ sự vất vả, cực nhọc.

So với các thành ngữ thông thường như cách giải nghĩa ở trên, các thành ngữ ngắn gọn, cô đọng, thể hiện sự khái quát và có giá trị biểu cảm cao hơn. Đồng thời cũng khắc họa được rõ nét hình ảnh người vợ tần tảo, đảm đang trong công việc gia đình.

Câu 2 Tập 1 trang 66 sách giáo khoa Ngữ Văn 11

Người nách thước, kẻ tay đao,

Đầu trâu mặt ngựa ào ào như sôi

Thành ngữ Đầu trâu mặt ngựa thể hiện sự hung bạo, sự vô lại, vô tổ chức của bọn quan quân khi chúng kéo đến nhà Thúy Kiều trong khi gia đình nàng bị vu oan.

Một đời được mấy anh hùng

Bồ chi cá chậu chim lồng mà chơi

Thành ngữ Cá chậu chim lồng biểu hiện cảnh sống chật hẹp, mất tự do tuy bề ngoài có vẻ hào nhoáng, hoa mỹ.

Đội trời đạp đất ở đời

Họ Từ tên Hải vốn người Việt Đông

Thành ngữ Đội trời đạp đất thể hiện sự ngang tàng, ý chí và lối sống tự do, không chịu khuất phục bất cứ uy quyền của Từ Hải.

Câu 3 trang 66 Tập 1 sách giáo khoa Ngữ Văn 11

Hai điển cố Giường kia, Đàn kia đều được dùng để nói về tình bạn thắm thiết, keo sơn. Chữ dùng ngắn gọn mà hàm ý sâu xa.

Điển cố chính là những sự việc trước đây hay những câu chữ trong sách đời trước được dẫn ra và sử dụng lồng ghép vào bài văn, vào lời nói để nói về những điều tương tự. Mỗi điển cố như một việc tiêu biểu, điển hình mà chỉ cần nhắc đến đã chứa đựng điều mà người nói muốn diễn đạt.

Câu 4 trang 67 sách giáo khoa Tập 1 Ngữ Văn 11

- Ba thu: điển cố này lấy ý từ câu thơ trong Kinh Thi: Nhất nhật bất kiến như tam thu hề (Một ngày không thấy mặt nhau lâu như ba mùa thu) – nói về nỗi nhớ nhung da diết của con người. Đùng điển cố này, câu thơ trong truyện Kiều muốn nói: Khi chàng Kim Trọng đã tương tư Thúy Kiều thì một ngày không thấy mặt nhau cảm giác lâu như ba năm vậy.
- Chín chữ: Kinh Thi kể chín chữ nói về công ơn của cha mẹ đối với con cái: sinh, cúc, phủ, súc, trưởng, dục, cố, phục, phúc. Thúy Kiều nghĩ đến công lao của cha mẹ đối với mình, mà Kiều thì sống nơi đất khách, chưa có dịp đền đáp công lao của cha mẹ.
- Liễu Chương Đài: Gợi chuyện xa xưa của người đi làm quan ở xa, viết thư về thăm vợ con với câu: Cây liễu ở Chương Đài xưa xanh xanh – Nay có còn không – Hay là tay khác đã vịn bẻ mất rồi?. Điển cố để diễn tả tâm trạng của Thúy Kiều khi nàng nghĩ đến cảnh Kim Trọng trở về chốn hẹn xưa thì Kiều đã thuộc về người khác.
- Mắt xanh: Chuyện xưa kể rằng Nguyễn Tịch đời Tấn quý ai thì tiếp bằng mắt xanh (lòng đen của mắt), không ưa ai thì mắt trắng (lòng trắng). Dẫn điển cố này để nói về cách nhìn nhận của Từ Hải về phẩm giá của nàng Kiều; mặc dù phải sống trong chốn lầu xanh, phải tiếp nhiều khách làng chơi, nhưng nàng chưa hề quý ai.

Câu 5 Ngữ Văn 11 trang 67 sách giáo khoa Tập 1

a,

- Ma cũ bắt nạt ma mới: người cũ cậy quen biết nhiều mà bắt nạt, dọa dẫm người mới đến.
- Chân ướt chân ráo: vừa mới đến, còn lạ lẫm

Thay thế: Này các cậu, đừng có mà bắt nạt người mới đến. Cậu ấy vừa mới đến, mình phải tìm cách giúp đỡ chứ.

b, Cuỡi ngựa xem hoa: làm qua loa, đại khái, không có sự tìm hiểu kĩ càng.

Thay thế: Họ không đi tham quan, không đi thực tế kiểu qua loa mà đi chiến đấu thực sự, đi làm nhiệm vụ của những người chiến sĩ bình thường.

Nếu thay các thành ngữ bằng từ ngữ thông thường thì chỉ đảm bảo được phần nghĩa cơ bản mà không đảm bảo được phần sắc thái biểu cảm. Hơn nữa, câu nói cũng mất đi tính hình tượng và sự diễn đạt lại có thể dài dòng.

Câu 6 trang 67 Ngữ Văn 11 sách giáo khoa Tập 1

Đặt câu với các thành ngữ

- Mừng cho gia đình cô ấy mẹ tròn con vuông.
- Con bé ấy còn nhỏ tuổi mà đã tỏ ra trướng khôn hơn vịt.
- Suốt mấy năm nấu sủ sôi kinh, bạn ý đã đỗ đại học.
- Trông thì có vẻ hiền lành nhưng thật không ngờ cô ấy là một kẻ lòng lang dạ thú.
- Bác chu đáo quá, còn bày đặt quà cáp, đúng là phú quý sinh lễ nghĩa.
- Tôi đi guốc trong lòng bạn rồi.
- Nói chuyện với bạn từ nãy đến giờ như nước đổ đầu vịt.
- Anh em chúng ta là người một nhà, nên phải biết nhường nhịn, dĩ hòa vi quý.
- Bạn ý có tính cách đúng kiểu con nhà lính, tính làm quan.
- Bác ấy nhìn thấy người giàu có là như kiểu thấy người sang bắt quàng làm họ.

Câu 7 trang 67 sách giáo khoa Ngữ Văn 11 Tập 1

Đặt câu với mỗi điển cố:

- Công ty tôi đã tìm ra được cái gót chân A – sin của đối phương.

- Đạo này gia đình tôi nợ như chúa Chổm.
- Cái bác ý làm việc gì cũng không có chính kiến, đúng là như đèo cày giữa đường.
- May cho bạn là thoát nạn hấn, đúng là cái gã sở Khanh.
- Bạn ấy còn trẻ mà làm được nhiều điều kì diệu, đúng là sức trai phù đồng.

Nhắc lại kiến thức cơ bản về thành ngữ, điển cố

I. Thành ngữ

- Khái niệm: Thành ngữ là loại cụm từ cố định, có vai trò tổ chức câu tương đương với từ và cụm từ tự do.
- Tác dụng: Việc vận dụng thành ngữ tạo nên tính chất dân dã, mộc mạc, bình dị mà vẫn sâu sắc.
- Đặc điểm của thành ngữ:
 - + Tính hình tượng: Thành ngữ thường dùng cách nói có hình ảnh cụ thể, thông qua những hình ảnh cụ thể
 - + Tính khái quát về nghĩa: có mục đích nói về những điều có tính khái quát cao, có chiều sâu và bề rộng. Nghĩa của thành ngữ thường mang tính triết lí sâu sắc, thâm thúy, hàm súc.
 - + Tính biểu cảm: Mỗi thành ngữ thường có sắc thái biểu cảm, thể hiện cả thái độ đánh giá và tình cảm của con người
 - + Tính cân đối và có thể có vần điệu: làm cho thành ngữ dễ đọc, dễ nhớ.

Xem lại chi tiết kiến thức về thành ngữ qua nội dung soạn bài Thành ngữ lớp 7 đã học ở THCS.

II. Điển cố

- Khái niệm: Điển cố là những sự kiện, sự tích cụ thể trong các văn bản quá khứ hoặc trong cuộc sống có tính khái quát cao về một nét tính cách, một hành động, một lối sống... nào đó trong cuộc sống.

- Tác dụng: Việc sử dụng điển cố, điển tích tạo nên tính chất bác học, ước lệ tượng trưng, tính trang nhã, cổ kính cho những sáng tác thơ văn của tác giả.

- Đặc điểm của điển cố:

+ Có hình thức cô đọng, hàm súc, có thể là một từ hoặc một cụm từ.

+ Không có tính chất cố định về cấu tạo như thành ngữ.

+ Muốn sử dụng và hiểu được thành ngữ cần phải có vốn văn hóa, vốn sống sâu rộng.

CLICK NGAY vào **TẢI VỀ** dưới đây để download soạn văn lớp 11 bài Thực hành về thành ngữ, điển cố file word, pdf hoàn toàn miễn phí.